

Bản án số: 1088/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2019.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; Địa chỉ: 28 Đường 374, Tổ 10, ấp T, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 66 đường T, Khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1964; Địa chỉ: 28 Đường 374, Tổ 10, ấp T, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 22 tháng 3 năm 2019 cùng các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày bà và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện sống chung từ năm 1994, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 14/5/1994. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc.

Đến cuối năm 2002, mâu thuẫn bắt đầu phát sinh, ông Q bắt đầu sử dụng bạo lực đối với bà, thường xuyên đánh đập bà, vì ông không muốn bà giao lưu với hàng xóm, do tính chất công việc bà phải đi sớm về muộn, ông Q không tin tưởng bà nên trở nên gây gắt,

Từ đó, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, bất hòa từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, căng thẳng liên tục, mệt mỏi

đến mức không muốn đoàn tụ vợ chồng. Bà vẫn cố gắng chịu đựng để níu kéo gia đình và nuôi dạy cho 02 con trưởng thành. Cho đến ngày 14/3/2019, khi bà đi làm về bất ngờ ông Q cầm rựa chém bà, nhưng chưa gây thương tích. Từ đó bà về nhà ba mẹ ruột bà sống cho đến nay. Bà nhận thấy bà và ông Q không thể hàn gắn được nữa, ông Q không thương yêu, quan tâm, chăm sóc bà, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Đã thành niên.

Về chia tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 16/8/2019 cùng các biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Văn Q xác định ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện sống chung từ năm 1992, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông cùng bà N sống chung tại nhà mẹ ruột của ông ở ấp T, xã H, huyện C. Ông xác định ông không làm gì sai và tổn hại đến bà. Quan hệ vợ chồng giữa ông và bà N có mâu thuẫn nhưng chỉ là những chuyện nhỏ, không lớn, nguyên nhân xuất phát từ việc bà N đi làm sớm về muộn, không báo cho ông, đồng thời bà N thiếu trách nhiệm đối với gia đình, không quan tâm chăm sóc chồng con. Ông xác định vẫn còn thương bà N nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Về nuôi con chung: Đã thành niên.

Về chia tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn nộp ngày 22 tháng 3 năm 2019, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Q có nơi cư trú tại ấp T, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận số: 15/CNKH Quyền số: 01/1994 ngày 14/5/1994, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ năm 2002, đồng thời bà N thừa nhận bà và ông Q không còn sống chung từ đầu năm 2019 cho đến nay. Theo các đương sự trình bày, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do cả hai bên không thống nhất nhau về giờ giấc đi lại

trong gia đình, gây áp lực cho nhau. Bà N cho rằng ông Q thường xuyên đánh đập bà, xúc phạm bà và đến tại nơi làm việc của bà để gây áp lực cho bà, đồng thời ông Q không quan tâm chăm sóc bà trong lúc bà ốm đau. Ông Q thừa nhận có đánh bà N là do bà bỏ bê, không chăm sóc con chung, đồng thời ông cho rằng bà N thường xuyên đi làm sớm mà về thì muộn nhưng lại không báo cho ông. Ông Q xác định vẫn còn quan tâm chăm sóc bà N.

Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông Q là có xảy ra, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự đều trình bày những bất đồng nhau trong cuộc sống vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử xác định các bên không có tiếng nói chung, không có sự tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, nghĩa vụ của các bên trong quan hệ vợ chồng là phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày các đương sự tại tòa thể hiện các đương sự vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng.

Từ phân tích trên, xét thấy đời sống chung của bà N và ông Q không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Đã thành niên.

Xét về chia tài sản chung, về nghĩa vụ dân sự chung, các đương sự xác định không có.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Q.

(Quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông Q được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 15/CNKH ngày 14/5/1994 do Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2. Về nuôi con chung: Đã thành niên.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc bà Nguyễn Thị N phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2018/0015956 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Tân An Hội, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thơ